TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HỒNG DÂN** **TỈNH BẠC LIÊU**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2019/HNGĐ - ST
Ngày: 30/7/2019
"V/v tranh chấp xin ly hôn
và nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỒNG DÂN, TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phan Chí Tâm

- *Các Hội thẩm nhân dân* 1/ Ông Lê Văn Nải

2/ Bà Nguyễn Thị Hiếu

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Quách Văn Quy - Cán bộ Toà án nhân dân huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu.

- *Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Dân tham gia phiên tòa:* Ông Dương Minh Kha - Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 7 năm 2019 tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Hồng Dân mở phiên toà xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số: 82/2019/TLST–HNGĐ, ngày 21 tháng 3 năm 2019 về việc tranh chấp xin ly hôn và nuôi con theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2019/QĐXXST–HNGĐ, ngày 13 tháng 6 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị L,** sinh năm 1986

Địa chỉ: Ấp N, xã N, huyện H, tỉnh B.

Bị đơn: Anh **Phan Chí Th,** sinh năm 1984

Địa chỉ: Ấp N, xã N, huyện H, tỉnh B.

(Chị L vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xin xét xử vắng mặt; anh Th vắng mặt không có lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Lời trình bày của nguyên đơn chị Nguyễn Thị L tại đơn khởi kiện đề ngày 31/01/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L và anh Phan Chí Th có tổ chức đám cưới trên tinh thần tự nguyện, không ai ép buộc và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Ninh Hòa, huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu vào ngày 01/6/2009. Trong thời gian đầu, vợ chồng anh chị chung sống với nhau hạnh phúc, nhưng được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên cải nhau, do anh Th có quan hệ với người phụ nữ khác. Vợ chồng chị L ly thân với nhau gần 01 năm nay. Nay chị L nhận thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu ly hôn với anh Phan Chí Th.

Về quan hệ con chung: Chị L xác định giữa chị và anh Th có 02 người con chung là cháu Phan Chí Luận, sinh ngày 05/9/2009 và cháu Phan Thị Hồng Rấm, sinh ngày 20/02/2013. Hiện tại hai cháu đang sống chung với chị L, chị L yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai cháu Luận và Rấm và yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi hai cháu theo quy định pháp luật.

Về tài sản chung: Chị L xác định vợ chồng chị không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, chị L không còn yêu cầu nào khác.

Lời trình bày của bị đơn anh Phan Chí Th tại bản tự khai đề ngày 17/4/2019 như sau:

Tôi với vợ tôi là Nguyễn Thị L cưới nhau vào năm 2007 trên tinh thần tự nguyện, không ai ép buộc và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Ninh Hòa, huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu. Chúng tôi chung sống hạnh phúc với nhau cho đến khi cách nay khoảng hơn 01 năm thì phát sinh nhiều mâu thuẫn và ly thân nhau do tôi có tình cảm với người phụ nữ khác. Xét thấy tôi là người có lỗi và cảm thấy hối hận, tôi mong muốn được tha thứ và chung sống lại với vợ không muốn ly hôn.

Về con chung: Chúng tôi có với nhau 02 người con chung là cháu Phan Chí Luận, sinh ngày 05/9/2009 và cháu Phan Thị Hồng Rấm, sinh ngày 20/02/2013. Hiện tại hai cháu đang sống chung với vợ tôi, nếu phải ly hôn tôi yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai cháu Luận và Rấm và không yêu cầu vợi tôi cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chúng tôi không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, tôi không có yêu cầu gì.

Ý kiến của cháu Phan Chí Luận tại bản tự khai đề ngày 21/5/2019 như sau:

Cháu là Phan Chí Luận, con đẻ của ông Phan Chí Th và bà Nguyễn Thị L. Hiện nay cháu đang sống cùng với mẹ cháu. Nay cha, mẹ cháu ly hôn với nhau

cháu có nguyện vọng được sống cùng với mẹ là bà Nguyễn Thị L. Ngoài ra, cháu không có ý kiến gì thêm.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định pháp luật.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Từ khi tham gia tố tụng cho đến nay, nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình. Bị đơn không thực hiện theo yêu cầu của Tòa án.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án. Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 227, Điều 228, Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 110, Điều 116 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị L đối với anh Phan Chí Th.

2. Về quan hệ con chung: Chấp nhận yêu cầu nuôi con của chị L. Tiếp tục giao hai cháu Phan Chí Luận, sinh ngày 05/9/2009 và Phan Thị Hồng Rấm, sinh ngày 20/02/2013 cho chị Nguyễn Thị L nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh Phan Chí Th được quyền tới lui thăm nom, chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cản.

Buộc anh Phan Chí Th có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu 745.000 đồng/tháng cho tới khi hai cháu Phan Chí Luận, sinh ngày 05/9/2009 và Phan Thị Hồng Rấm, sinh ngày 20/02/2013 tròn 18 tuổi.

3. Về tài sản chung và nợ chung không có nên không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Ngoài ra chị L phải chịu tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không có giá ngạch 300.000 đồng và anh Th phải chịu án phí cấp dưỡng 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[I] Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật: Chị Nguyễn Thị L khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Phan Chí Th và yêu cầu giải quyết về con chung nên căn cứ khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án thụ lý giải quyết vụ án về "Tranh chấp ly hôn và nuôi con" là đúng quy định.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn anh Phan Chí Th có nơi đăng ký thường trú tại Ấp N, xã N, huyện H, tỉnh B nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân huyện Hồng Dân thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[3] Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị L vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt đối với chị L. Bị đơn anh Phan Chí Th vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b, khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với anh Phan Chí Th.

[II] Về nội dung:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị L.

[1] Xét về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L và anh Phan Chí Th cưới nhau trên tinh thần tự nguyện, không ai ép buộc và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Ninh Hòa, huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu vào ngày 01/6/2009 nên quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh Th là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được khoảng 10 năm. Cách nay khoảng hơn 01 năm thì giữa chị L và anh Th phát sinh nhiều mâu thuẫn và ly thân nhau. Chị L xác định không còn tình cảm với anh Th nên yêu cầu ly hôn nhưng anh Th không đồng ý và anh muốn được hàn gắn để chung sống lại với nhau.

Kết quả xác minh về tình trạng hôn nhân giữa chị L và anh Th như sau: Cách nay hơn một năm vợ chồng chị L anh Th xảy ra nhiều mâu thuẫn và anh Th có hành vi bạo lực đối với chị L. Đồng thời anh Th có tình cảm với người phụ nữ khác nên vợ chồng anh chị đã ly thân nhau. Hiện tại tình trạng hôn nhân giữa chị L và anh Th là mâu thuẫn trầm trọng.

Căn cứ vào lời khai của nguyên đơn và bị đơn cũng như kết quả xác minh về tình trạng hôn nhân của chị L và anh Th, Hội đồng xét xử nhận thấy tình trạng hôn nhân giữa chị L và anh Th là mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được và không thể hàn gắn lại được. Do đó, căn cứ vào khoản 1

Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị L.

[2] Xét về quan hệ con chung: Chị Nguyễn Thị L và anh Phan Chí Th có 02 người con chung tên Phan Chí Luận, sinh ngày 05/9/2009 và Phan Thị Hồng Rấm, sinh ngày 20/02/2013. Hai cháu hiện đang sống chung với chị L. Ý kiến của cháu Luận là mong muốn được tiếp tục chung sống cùng với chị L. Chị L yêu cầu được nuôi cả hai người con và yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

Xét thấy, cháu Luận có nguyện vọng được sống chung với chị L nên cần đáp ứng nguyện vọng của cháu theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Về điều kiện chăm sóc con của chị L là đảm bảo. Vì từ trước đến nay cháu Luận và Rấm do chị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục và các cháu vẫn được đảm bảo về mọi mặt. Do đó, để đảm bào cuộc sống của các cháu cũng như tránh làm xáo trộn cuộc sống của các cháu Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con của chị L. Tiếp tục giao hai cháu Phan Chí Luận, sinh ngày 05/9/2009 và Phan Thị Hồng Rấm, sinh ngày 20/02/2013 cho chị Nguyễn Thị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục. Anh Nguyễn Chí Th có quyền, nghĩa vụ thăm nom cháu Luận và Rấm mà không ai được cản trở.

Chị L yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật. Xét thấy yêu cầu này của chị L là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận. Buộc anh Nguyễn Chí Th có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi hai cháu Phan Chí Luận, sinh ngày 05/9/2009 và Phan Thị Hồng Rấm, sinh ngày 20/02/2013 theo quy định pháp luật là 745.000 đồng/tháng cho mỗi cháu kể từ ngày tuyên án cho đến khi phát sinh một trong các khoản tại Điều 118 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về quan hệ tài sản: Chị Nguyễn Thị L và anh Phan Chí Th cùng xác định vợ chồng anh chị không có tài sản chung, cũng không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Tòa án không xem xét, giải quyết.

[4] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì chị Nguyễn Thị L phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng. Anh Nguyễn Chí Th phải chịu án phí cấp dưỡng là 300.000 đồng.

[5] Về ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên: Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ nên cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 51, Điều 53, khoản 1 Điều 56, khoản 1 và 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 110, Điều 116, Điều 118 Luật hôn nhân và gia đình;

Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị L.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L được ly hôn với anh Phan Chí Th.

2. Về con chung: Tiếp tục giao hai cháu Phan Chí Luận, sinh ngày 05/9/2009 và Phan Thị Hồng Rấm, sinh ngày 20/02/2013 cho chị Nguyễn Thị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục. Anh Nguyễn Chí Th có quyền, nghĩa vụ thăm nom cháu Luận và Rấm mà không ai được cản trở.

Buộc anh Nguyễn Chí Th có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi hai cháu Phan Chí Luận, sinh ngày 05/9/2009 và Phan Thị Hồng Rấm, sinh ngày 20/02/2013 theo quy định pháp luật là 745.000 đồng/tháng cho mỗi cháu kể từ ngày tuyên án cho đến khi phát sinh một trong các khoản tại Điều 118 Luật Hôn nhân và gia đình.

3. Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Buộc chị Nguyễn Thị L nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Chị Nguyễn Thị L đã nộp tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0006140 ngày 21/3/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu nay chuyển thu án phí.

Buộc anh Phan Chí Th nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí cấp dưỡng.

Án xử sơ thẩm công khai các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ. Viện kiểm sát nhân dân có quyền kháng nghị theo quy định pháp luật.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Bạc Liêu
- VKSND huyện Hồng Dân;
- Chi cục THADS huyện Hồng Dân;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA